

UBND HUYỆN DIỄN CHÂU
TRƯỜNG TIỂU HỌC DIỄN TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-THDT
 V/v:BC kết quả thực hiện
 TT09/2024/TT-BGD&ĐT

Diễn Trường ngày 10 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo Diễn Châu

Thực hiện công văn số 979/PGD&ĐT-CTTT ngày 03/10/2024 của Phòng GD&ĐT Diễn Châu V/v triển khai thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGD&ĐT, Trường Tiểu học Diễn Trường báo cáo Kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác triển khai thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

- Gửi Thông tư đến từng GV, NV để biết và giám sát
- Tìm hiểu những nội dung cần công khai
- Giao các bộ phận chuẩn bị báo cáo công khai theo nội dung của mình
- Thực hiện công khai theo quy trình hướng dẫn
- Đảm bảo tính dân chủ, được biết, được bàn, được kiểm tra
- Thực hiện đầy đủ trên trang Web của nhà trường

2. Việc tổ chức công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

- Những nội dung đã công khai: Thông tin chung về nhà trường; thu chi tài chính; điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động GDPT; kế hoạch và kết quả hoạt động GDPT

I. THÔNG TIN CHUNG²

Trường Tiểu học Diễn Trường

1. *Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:*

- Địa chỉ: xóm 3, Diễn Trường, Diễn Châu, Nghệ An.
- Số điện thoại: 0944048728
- Địa chỉ thư điện tử: thdientruong.dc@nghean.edu.vn
- Cổng thông tin điện tử: <https://tieuhocdientruong.dienchau.edu.vn>

2. *Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp:*

- Loại hình: Công lập
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu.

3. *Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.*

- Sứ mạng: “Xây dựng được môi trường làm việc, học tập nề nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục cao, mỗi giáo viên, học sinh được phát triển toàn diện về nhân cách, có cơ hội phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy của bản thân”.

- Tầm nhìn: “Trường Tiểu học Diễn Trường là một trong những trường có uy tín của huyện Diễn Châu, là môi trường để giáo viên và học sinh tự hào được cống hiến và ra sức rèn luyện, học tập tốt”.

- Mục tiêu:

1) Giai đoạn 2021 – 2025: Xây dựng đội ngũ sư phạm có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tâm huyết với nghề, yêu trường, đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường.

2) Giai đoạn 2025 – 2030: Nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên và kết quả học tập, giáo dục toàn diện của học sinh; giáo viên và học sinh đáp ứng phù hợp với Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Xây dựng trường Tiên tiến hội nhập

3) Sau năm 2030 - 2035: Tạo lập môi trường giáo dục thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và phụ huynh học sinh để thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Diễn Trường đóng trên địa bàn xóm 3, xã Diễn Trường, huyện Diễn Châu, Nghệ An. Một xã thuộc vùng đồng bằng, nghề chính là nông nghiệp, cách xa trung tâm huyện Diễn Châu 15km. Nhân dân Diễn Trường vốn có truyền thống hiếu học, tinh thần cách mạng. Có vị trí tiếp giáp với các xã: Phía Bắc giáp Quỳnh Diễn, Quỳnh Giang - Quỳnh Lưu, Đông giáp Diễn Hoàng, Nam giáp Diễn Yên, Tây giáp Diễn Đoài. Xã có hệ thống giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông gồm 3 trường học: 1 trường mầm non, 1 trường tiểu học và 1 trường trung học cơ sở.

Trường Tiểu học Diễn Trường được thành lập năm 1960 và được tách ra từ trường cấp 1,2 năm 1993. Từ ngày thành lập đến nay, nhà trường đã không ngừng lớn mạnh, góp phần đào tạo nên nhiều thế hệ con em Diễn Trường trở thành những công dân thực sự xứng đáng với truyền thống quê hương cách mạng. Dù trong thời chiến hay thời bình, con người Diễn Trường cũng không ngừng vươn lên học giỏi.

Hiện nay, trường được tọa lạc trên một khuôn viên có diện tích gần 18.000 m², yên tĩnh, cao ráo, thoáng mát, thuận lợi cho học sinh đi học. Cảnh quan xanh- sạch - đẹp - an toàn, cơ sở vật chất khang trang với 25 phòng học cao tầng và có đầy đủ các phòng chức năng như: Phòng đa năng, Khoa học, phòng Âm nhạc, Tiếng Anh, Mỹ Thuật, phòng tin học. Năm học 2024-2025 trường có 39 cán bộ, giáo viên, nhân viên, 25 lớp với 853 em học sinh từ lớp 1 đến lớp 5. Kế thừa và phát huy truyền thống của các thế hệ đi trước, trong những năm qua, thầy và trò Trường Tiểu học Diễn Trường đã thi đua dạy tốt, học tốt và đạt được những thành tích xuất sắc: nhiều năm liền là Tập thể lao động tiên tiến, Lao động xuất sắc đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 (2006); được công nhận lại năm 2016, đơn vị

văn hóa cấp huyện (2005). Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3 năm 2022, Chuẩn QG mức độ 2 năm 2022.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật:

- Ông: Chu Tự Hạnh
- Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Nơi làm việc: Trường Tiểu học Diễn Trường
- Số điện thoại: 0944048728
- Địa chỉ thư điện tử: thdientruong.dc@nghean.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường Tiểu học Diễn Trường được tách ra từ trường PTCS Diễn Trường từ năm 1992 theo QĐ của UBND Huyện Diên Châu.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Diên Châu về thành lập Hội đồng trường Trường Tiểu học Diễn Trường nhiệm kỳ 2021 - 2025.

**DANH SÁCH KIẾN TOÀN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG TH DIỄN TRƯỜNG
NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Đơn vị công tác (theo trường)
1	Chu Tự Hạnh	23/01/1984	Hiệu trưởng	TH Diễn Trường
2	Nguyễn Thị Hoa Hương	28/5/1974	Phó Hiệu trưởng	TH Diễn Trường
3	Trần Thị Tình	25/03/1980	Chủ tịch CB	TH Diễn Trường
4	Nguyễn Thị Tuyết	24/10/1984	Tổ trưởng CM	TH Diễn Trường
5	Nguyễn Thị Ngân	10/10/1975	Tổ trưởng CM	TH Diễn Trường
6	Đậu Viết Trường	11/01/1988	TPT Đội	TH Diễn Trường
7	Nguyễn Thị Nhân	04/09/1976	TBTTND	TH Diễn Trường

8	Chu Văn Đạt	1980	PCT UBND xã	TH Diễn Trường
9	Chu Ngọc Quang	1952	Đại diện Hội PH	TH Diễn Trường

Danh sách này gồm có 9 người./.

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG TH DIỄN TRƯỜNG
NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Đơn vị công tác (theo trường)
1	Chu Tự Hạnh	23/01/1984	Hiệu trưởng	Th Diễn Trường

Danh sách này gồm có 01 người./.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

c1. Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng: Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Diên Châu về việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng.

c2. Quyết định bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng: Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Diên Châu về việc lại chức vụ phó Hiệu trưởng đối với Hoàng Trung.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

d1. Quy chế tổ chức và hoạt động:

- Cơ cấu tổ chức: Hội đồng trường; hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật; hội đồng tư vấn; tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; tổ chức Công đoàn; tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; các tổ chuyên môn 1,2,3 và tổ 4-5; lớp học sinh.

- Hoạt động: Trường tiểu học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng..

d2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

- Chức năng: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

- Nhiệm vụ:

1. Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

3. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

4. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

5. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

6. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

7. Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

9. Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

10. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Quyền hạn: Thực hiện dạy học, giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quyền khác theo quy định của pháp luật.

d3. Tổ chức bộ máy: Tổ chức theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và chức năng khác theo quy định của pháp luật.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Không có.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Ông: Chu Tự Hạnh

- Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Số điện thoại: 0944048728

- Địa chỉ thư điện tử: tchutuhanhdt@gmail.com

- Nơi làm việc: Trường Tiểu học Diễn Trường.

Nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng

Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỷ luật, khen thưởng học sinh; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

Được hưởng chế độ phụ cấp đối với nhà giáo và các chính sách ưu đãi theo quy định.

8. *Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).*

TRƯỜNG TIỂU HỌC DIỄN TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Diễn Trường, ngày 20 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẦU NĂM
NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ Điều lệ trường tiểu học (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ tình hình thực tế của trường Tiểu học Diễn Trường;

Hội đồng trường Trường Tiểu học Diễn Trường Quyết nghị.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất định hướng hoạt động của trường trong năm học 2024- 2025. Trong đó tập trung vào các vấn đề trọng tâm sau:

1. Nhiệm vụ chung

Đẩy mạnh công tác xây dựng trường học Hạnh phúc; bám sát chủ đề năm học 2024-2025: **“Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương”**.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; củng cố và phát huy hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện thực tế địa phương. Củng cố kết quả cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; cuộc vận động: “Đổi mới sáng tạo trong dạy và học”. Tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng thích ứng cuộc sống, Giáo dục QPAN, TTATXH cho học sinh thông qua các môn học, các hoạt động giáo dục. Xây dựng quy tắc ứng xử văn minh – thân thiện các mối quan hệ trong nhà trường, gia đình và xã hội. Xây dựng môi trường học tập Hạnh phúc.

Tăng cường nền nếp, kỉ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục tiểu học. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kĩ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng cho học sinh trong trường. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương.

Tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (CBQL) chuẩn bị tốt các điều kiện và triển khai CTGDPT 2018 và thay SGK lớp 5 vào năm học 2024-2025; tham gia bồi dưỡng nâng cao năng lực triển khai các nhiệm vụ cho

giáo viên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm; dự kiến phân công GV dạy học lớp 5 năm học 2024-2025 để tham gia bồi dưỡng, đảm bảo 100% GV dạy học lớp 4 theo CTGDPT mới được bồi dưỡng trước khi thực hiện nhiệm vụ.

Tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới

Chú trọng đổi mới công tác quản lý trường học theo hướng đẩy mạnh phân cấp quản lý, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Đẩy mạnh thực hiện dân chủ trong trường học, khuyến khích sự sáng tạo và đề cao trách nhiệm của giáo viên, cán bộ quản lý.

Thực hiện dạy học theo hướng đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến trong nước và quốc tế nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; bảo đảm các điều kiện và triển khai dạy học Ngoại ngữ, Tin học ở nhà trường để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý giáo dục; tích cực và nâng cao hiệu quả trong công tác truyền thông. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nâng cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo. Khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục tiểu học. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc công tác điều hành, quản lý, tổ chức các hoạt động nhằm đảm bảo vệ sinh, an toàn, chất lượng.

Tổ chức thực hiện chương trình SGK mới đối với lớp 1;2;3;4,5; đổi mới phương pháp dạy và học và nâng cao chất lượng công tác đánh giá học sinh.

Tăng cường nề nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình, nhà trường, xã hội cho học sinh.

Tăng cường an ninh, an toàn trường học, tích cực phòng, chống xâm hại và bạo lực học đường; chú trọng xây dựng văn hóa học đường trong các nhà trường; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; xây dựng cơ chế phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh. Bảo đảm thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục thể chất, y tế trường học; phát động phong trào học bơi và phòng chống đuối nước cho học sinh.

2. Nhiệm vụ chuyên môn

2.1. Công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn

- Tập huấn CSDL ngành.
- Tập huấn PCGD, XMC.

- Tập huấn dạy học STEM trong các môn và HĐGD tại trường Tiểu học.
- Tập huấn phương pháp dạy học tích cực.
- Tập huấn đánh giá HS tiểu học.
- Tập trung chỉ đạo 100% CB, GV thực hiện bồi dưỡng thường xuyên năm học 2024-2025 theo kế hoạch cá nhân, trường.
- Bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho 100% cán bộ giáo viên của đơn vị theo KH.

2.2. Công tác tuyển sinh vào lớp 1

Rà soát trẻ 6 tuổi trên địa bàn, tiếp tục tuyển sinh vào lớp 1. Quyết tâm không bỏ sót bất kỳ một học sinh nào, thực hiện rà soát đối chiếu hồ sơ theo giấy khai sinh để đảm bảo đúng đối tượng.

2.4. Phân công chuyên môn, xếp TKB

- Thống nhất thành lập 2 tổ chuyên môn năm học 2024-2025 với cơ cấu, số lượng phù hợp đặc thù và theo Điều lệ trường Tiểu học.
- Đảm bảo tính công bằng, sát với trình độ của giáo viên và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Ưu tiên lựa chọn đội ngũ cho lớp 2,3,4,5; duy trì sự ổn định đội ngũ đối với lớp 1.
- Xây dựng thời khóa biểu đúng quy định, đảm bảo tính khoa học, hiệu quả (buổi học thứ nhất và buổi học thứ 2 của năm học 2024-2025 phù hợp, khoa học và đúng quy định, đảm bảo đủ 23 tiết/tuần và các quy định về chế độ làm việc của giáo viên).
- Tiếp tục triển khai, thực hiện dạy và học Tiếng Anh theo đề án 1400, dạy làm quen tiếng Anh cho học sinh lớp 1,2.
- Tiếp tục tham mưu với UBND xã xây dựng CSVC theo TT 13 đảm bảo kiểm tra công nhận trường chuẩn quốc gia mức 2.
- Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh.
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.
- Ứng dụng CNTT trong dạy – học và công tác quản lý.
- Đổi mới, sáng tạo trong quản lý và giảng dạy
- Triển khai các văn bản thực hiện tiếp cận và thực hiện chương trình GDPT mới.

2.5 Về đội ngũ

Hợp đồng thêm 6 Giáo viên trong đó 4 giáo viên chủ nhiệm, 2 GV tiếng anh.

2.6. Về chuẩn bị CSVC

- Kế hoạch mua sắm CSVC

a. Từ ngân sách cấp:

- Mua tài liệu phục vụ thay sách lớp 5 cho giáo viên Bổ sung các loại hồ sơ sổ sách của nhà trường và của giáo viên, học sinh như: SGK, SGV, tài liệu tham khảo dạy và học buổi 2, các trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học theo đúng quy định.

- Sửa chữa phòng bảo vệ, diệt mối, ...

- Mua máy tính phòng thư viện

b. Từ nguồn vận động tài trợ năm học 2024-2025:

+ Sửa chữa hệ thống phòng học phòng tin học, thay bóng led, lắp quạt 9 phòng học cho các lớp.

+ Thay thế cửa sổ phòng học, mỹ thuật bị hỏng

+ Sửa chữa bảo trì máy tính phòng tin học.

+ Bổ sung bảng từ cho các lớp: 10 cái.

+ Sửa chữa cải tạo khuôn viên phía sau nhà 2 tầng dãy 18 phòng.

+ Sửa chữa hệ thống bồn nước rửa tay trên sân trường.

+ Mua bổ sung 2 máy tính phòng tin học.

+ Sửa chữa thay thế lá mái, rui hoành nhà cấp 4.

- Tiếp tục tăng cường công tác tài trợ đảm bảo tính hiệu quả, đúng quy định, đúng luật. để mua mới, sửa chữa, bổ sung CSVN, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học năm học 2024-2025.

c. Từ ngân sách xã

-Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh, cải tạo sân chơi phía Bắc, làm nhà đa chức năng.

3. Giải pháp thực hiện

- Động viên tuyên truyền mỗi CBVC, mỗi thành viên Hội đồng trường chủ động tích cực học hỏi nâng cao nhận thức về tư tưởng, chính trị, đạo đức, tinh thần trách nhiệm để cùng vào cuộc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng trường.

- Hội đồng trường chủ động cùng với các tổ chức liên quan để thực hiện quyền hạn chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ đã quy định đầy đủ, hiệu quả. Chống các biểu hiện hình thức, ỉn, chủ quan, làm việc qua loa hoặc chung chung.

- Làm tốt công tác tổ chức giám sát, thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo tính khách quan, chủ quan, công khai, công bằng, dân chủ, kịp thời dứt điểm.

- 100% Đảng viên trong chi bộ thực hiện tốt Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, không vi phạm những điều Đảng viên không được làm.

- Liên đội hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, các hoạt động Đội được đẩy mạnh đồng bộ, đóng góp quỹ kế hoạch nhỏ, đóng góp quỹ Đội.

- Trong năm học này, nhà trường tiếp tục vận động sự đóng góp của cha mẹ học sinh, cán bộ GV, các tổ chức xã hội để tặng quà giúp đỡ học sinh nghèo.

Điều 2. Hội đồng trường phê duyệt kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025. Các khoản thu theo quy định của Sở Giáo dục Nghệ An, Hướng dẫn của UBND huyện Diễn Châu

Điều 3. Các thành viên của Hội đồng trường có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết và có báo cáo với hội đồng trường trong phiên họp giữa năm học. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc giữa hiệu trưởng và Hội đồng trường thì giải quyết theo Điều lệ trường tiểu học./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT,.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Chu Tự Hạnh

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a, Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

Năm học 2023-2024:

TT	Nội dung		Tổng	Trình độ đào tạo		Hạng chức danh nghề nghiệp		
	Tổng QL,GV,NV	TL		Th.S	ĐH	II	III	Khác
			38	1	37	20	10	8
Quản lý			2	1	1	2		
			2	1	1	2		
Giáo viên	1,35	34			34	18	10	6
Giáo viên văn hóa		27			27	17	5	
Giáo viên bộ môn:		7			7	1	4	2
Âm nhạc		1			1		1	
Mĩ thuật		1			1	1		
Tin học		1			1		1	
Ngoại ngữ		4			4		2	2
Nhân viên		2			2			2
		2			2			2

Năm học 2024-2025:

TT	Nội dung		Tổng	Trình độ đào tạo		Hạng chức danh nghề nghiệp		
	Tổng QL,GV,NV	TL		Th.S	ĐH	II	III	Khác
			39	1	38	18	13	8
	Quản lý	100	2	1	1	2		
			2	1	1	2		
	Giáo viên:	1,4	35		35	16	13	6
	+Giáo viên văn hóa		28		28	15	8	5
	Giáo viên bộ môn:		7		7	1	4	2
	-Âm nhạc		1		1		1	
	-Mĩ thuật		1		1	1		
	-Tin học		1		1		1	
	-Ngoại ngữ		4		4		2	2
	Nhân viên		2		2			2
			2		2			2

b. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ Quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp và Bồi dưỡng thường xuyên**Năm học 2023-2024**

Nội dung		Chuẩn nghề nghiệp				BDTX			
Tổng QL,GV,NV	38	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Giỏi	Khá	TB	CD
		15	13			15	13		
Quản lý	2	2				2			
Giáo viên:	26	13	13			13	13		

Năm học 2024-2025

Nội dung		Chuẩn nghề nghiệp				BDTX			
Tổng QL,GV,NV	39	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	Giỏi	Khá	TB	CD
		16	15			16	15		
Quản lý	2	2				2			
Giáo viên:	29	14	15			14	15		

b. Thông tin về CSVC và tài liệu học tập sử dụng chung

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Y/c theo quy định
1	Diện tích đất	18.000 m ² /853	21.1 m ² /học sinh	10 m ² /học sinh
2	Số phòng học/số lớp	25/25	1 phòng/1 lớp	Đạt
3	Số phòng quản trị	6/6	100%	Đạt
4	Khối phòng học tập	31/31	100%	Đạt
5	Khối phòng hỗ trợ học tập	5 phòng	5/5	5 phòng
6	Khối phụ trợ	5 phòng	5/8	8 phòng
7	Khu sân chơi TDTT	2	2/3	Nhà đa năng
8	Khối phục vụ sinh hoạt	-	-	-
9	Hạ tầng kĩ thuật	2	2/4	PCCC, nước
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	24/24	Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học hiện có	30 bộ	25 bộ	Đạt
2	Danh mục SGK	1500	1492	Đạt
3	Danh mục tham khảo	1120	1106	Đạt

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Trên cơ sở tự đánh giá theo bộ tiêu chí, Hội đồng đánh giá Trường Tiểu học Diễn Trường rút ra những điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường trong mỗi hoạt động như sau:

1. Điểm mạnh:

***Về hoạt động dạy học:** Nhà trường đã thực hiện tốt quy định về kế hoạch giảng dạy và học tập của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT, chủ động trong kế hoạch nâng cao chất lượng dạy học, tạo môi trường làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm cho cán bộ, giáo viên; chất lượng quản lý chuyên môn ngày càng chặt chẽ; công tác quản lý, chất lượng kiểm tra, đánh giá học sinh đảm bảo tính chính xác, công bằng, khách quan. Trường chú trọng chất lượng dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo quan tâm đến chất lượng của các đối tượng học sinh trong lớp. Chỉ đạo giáo viên chủ động linh hoạt trong lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp dạy học, thực hiện dạy phân hoá trong từng tiết học, buổi học nhằm phát huy được năng lực của học sinh. Bên cạnh đó, trường còn động viên giáo viên vận dụng CNTT trong dạy học để phù hợp với tình hình giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

***Về hoạt động học tập và rèn luyện:** Công tác quản lý việc học tập các bộ môn văn hoá được thực hiện chặt chẽ, đúng qui chế, tạo điều kiện nâng cao chất lượng học tập cho

học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn quan tâm tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khoá giúp học sinh rèn luyện kỹ năng sống và phát triển toàn diện. Trường có đủ hệ thống hồ sơ quản lý và theo dõi quá trình học tập và rèn luyện của học sinh, từ đó đưa ra nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục; triển khai kịp thời, đầy đủ các công văn hướng dẫn về dạy học và rèn luyện cho giáo viên và học sinh.

***Về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:** Hằng năm, nhà trường đã động viên khuyến khích cán bộ giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và không ngừng tự học, tự rèn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân, tạo được sự đoàn kết đồng thuận cao trong nội bộ. Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt về mọi mặt cho cán bộ giáo viên yên tâm công tác; phân công, phân nhiệm và bố trí chuyên môn hợp lý, nên phát huy được năng lực của từng cán bộ, giáo viên; Nhà trường đã mạnh dạn đầu tư vào lĩnh vực công nghệ thông tin, có kế hoạch cụ thể cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và dạy học.

*** Về quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị:**

Với diện tích 18.000m² /853 học sinh và diện tích sân nhà tầng như vậy nhà trường đã có diện tích mặt bằng đạt chuẩn, đủ cơ sở vật chất để phục vụ dạy học hai buổi trên ngày, có biện pháp cụ thể trong quản lý cơ sở vật chất nên phòng học luôn đảm bảo đủ duy trì tốt các hoạt động giáo dục. Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác cải tạo cơ sở vật chất hiện có để đảm bảo chất lượng cho các hoạt động giáo dục trong trường. Trường cũng đã xây dựng được cảnh quan môi trường sạch sẽ, thoáng mát, tạo cảnh quan sư phạm cho cho cán bộ giáo viên và học sinh làm việc, học tập.

***Về công tác quản lý tài chính:** Nhà trường đã và đang cập nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp quy về chế độ tài chính, thực hiện thanh toán kịp thời, đầy đủ mọi chế độ cho CB, GV, NV; thực hiện tốt công tác dự toán kinh phí cũng như chế độ báo cáo thống kê, quyết toán hằng năm cho cơ quan chủ quản kịp thời; mọi công tác thu chi đều được công khai và duyệt thẩm định quyết toán. Hồ sơ đảm bảo, lưu giữ cẩn thận, khoa học. Khắc phục dần các loại hồ sơ tài chính còn thiếu từ kế toán cũ để quyết toán được tài chính của các năm trước và năm 2023 trong thời gian sớm nhất có thể.

*** Về tổ chức bộ máy và công tác quản lý điều hành:** Lãnh đạo quản lý nhà trường đoàn kết, thống nhất, có năng lực chuyên môn và năng lực quản lý vững vàng; có đủ các tổ chức đoàn thể, phát huy tốt vai trò của mình trong công tác quản lý nên đã đẩy mạnh được phong trào thi đua dạy tốt, học tốt của giáo viên và học sinh. Nhà trường có sổ quản lý các công văn đi, công văn đến chặt chẽ, kịp thời trong quá trình triển khai công tác, quản lý điều hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường đảm bảo tính chủ động và linh hoạt. Ban giám hiệu đã căn cứ tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường để xây dựng kế hoạch

cũng như điều hành các tổ chức trong nhà trường hoạt động đúng chức trách của tổ chức và hiệu quả.

*** Về công tác xây dựng môi trường giáo dục:** Trường đã xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh cho cán bộ, giáo viên và học sinh, xây dựng cảnh quan xanh, sạch, thoáng đãng; luôn chú trọng và có biện pháp đảm bảo an ninh, không có bạo lực, không có tệ nạn xã hội; không có hiện tượng giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo.

*** Về xây dựng quan hệ nhà trường- gia đình- xã hội:** Nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt. Thường xuyên liên lạc với gia đình và chính quyền địa phương dưới nhiều hình thức để nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, từ đó đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp nhằm phối hợp tốt để giáo dục học sinh phát triển toàn diện nhân cách và thực hiện mục tiêu giáo dục học sinh tiểu học trong giai đoạn mới.

2. Điểm yếu:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại chưa thật đầy đủ; hệ thống cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin chưa đồng bộ, đôi lúc chưa đáp ứng được nhu cầu tối đa các hoạt động nhà trường.

Một bộ phận nhỏ gia đình học sinh đông con, đi làm ăn xa, con cái gửi ông bà chăm sóc nuôi dưỡng nên các em chưa được sự quan tâm đúng mức từ phía gia đình vì vậy kết quả học tập chưa cao.

3. Thống kê các kết quả tự đánh giá:

Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường với những điểm mạnh và điểm yếu. Báo cáo Tự đánh giá này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao quản lý chất lượng giáo dục của nhà trường. Hội đồng tự đánh giá mong rằng, sau quá trình tự đánh giá, nhà trường có nhiều biện pháp hữu hiệu hơn trong công tác quản lý để cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua quá trình tự đánh giá 5 tiêu chuẩn, 27 tiêu chí, 81 chỉ báo theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá kiểm định chất lượng và công nhận trường chuẩn quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Tiểu học Diên Trường đã đạt được một số mặt sau:

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 1: $27/27 = 100\%$
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí không đạt mức 1: $0/27 = 0\%$
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 2: $27/27 = 100\%$
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí không đạt mức 2: $0/27 = 0\%$
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt mức 3: $18/19 = 94.7 \%$
- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí không đạt mức 3: $1/19 = 5.3\%$

- Số lượng và tỉ lệ % các khoản điều 22 đạt mức 4: $0/5 = 0\%$
- Số lượng và tỉ lệ % các khoản điều 22 không đạt mức 4: $5/5 = 100\%$

4. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Trường Tiểu học Diên Trường đề nghị giữ vững KĐCLGD Cấp độ 3; đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2

5. Kết quả đánh giá của đoàn đánh giá ngoài:

Được UBND tỉnh Nghệ An ra QĐ số: 2433/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 Về việc công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Quy mô trường lớp, học sinh

STT	Lớp	Số lớp	Số HS	Học sinh dân tộc thiểu số		Học sinh khuyết tật (C.Biệt và H.Nhập)		Số HS học 2 buổi/ngày		Học sinh được học ngoại ngữ		Học sinh được học tin học	
				SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
1	Lớp 1	5	171	1	0,58	0		171	100%	171	100%		
2	Lớp 2	5	167	1	0,6	2	1,2	167	100%	167	100%		
3	Lớp 3	5	172	0		2	1,16	172	100%	172	100%	172	100%
4	Lớp 4	5	177	0		2	1,13	177	100%	177	100%	177	100%
5	Lớp 5	5	185	3	1,62	5	2,7	185	100%	185	100%	185	100%
Toàn trường		25	872	5	0,57	11	1,26	872	100%	872	100%	534	61,24

Chất lượng

Tiểu học Diên Trường		Khối 1						Khối 2					
TT	Môn học	Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)		Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)	
		SL	TL	SL	SL	TL	SL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Toán	130	76,02	40	23,39	1	0,58	122	73,05	44	26,35	1	0,6
2	T. Việt	123	71,93	45	26,32	3	1,75	115	68,86	51	30,54	1	0,6
3	Tiếng Anh												
4	Đạo đức	134	78,36	37	21,64			126	75,45	41	24,55		
5	TN&XH	133	77,78	38	22,22			120	71,86	47	28,14		
6	Âm nhạc	131	76,61	40	23,39			127	76,05	40	23,95		
7	Mỹ thuật	133	77,78	38	22,22			129	77,25	38	22,75		
8	GDTC	136	79,53	35	20,47			129	77,25	38	22,75		

		Khối 3						Khối 4					
TT	Môn học	Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)		Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		Chưa hoàn thành (C)	
		SL	TL	SL	SL	TL	SL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Toán	120	69,77	47	27,32	5	2,91	116	65,54	61	34,46	120	69,77
2	T. Việt	106	61,63	62	36,04	4	2,33	105	59,32	72	40,68	106	61,63
3	Tiếng Anh	108	62,79	63	36,63	1	0,58	107	60,45	70	39,55	108	62,79
4	Đạo đức	114	66,28	57	33,14	1	0,58	129	72,88	48	27,12	114	66,28
5	TN&XH	114	66,28	58	33,72							114	66,28
6	Âm nhạc	119	69,19	52	30,23	1	0,58	125	70,62	52	29,38	119	69,19
7	Mỹ thuật	132	76,74	39	22,68	1	0,58	131	74,01	46	25,99	132	76,74
8	GDTC	115	66,86	57	33,14			124	70,06	53	29,94	115	66,86
9	HĐTN	113	65,7	58	33,72	1	0,58	130	73,45	47	26,55	113	65,7
10	Tin học	108	62,79	64	37,21			103	58,19	74	41,81	108	62,79
11	Công Nghệ	109	63,37	62	36,04	1	0,58	109	61,58	68	38,42	109	63,37
12	Khoa học	/	/	/	/	/	/	120	67,8	57	32,2	/	/
13	Lịch sử và Địa lý	/	/	/	/	/	/	121	68,36	56	31,61	/	/

1.2 Kết quả đánh phẩm chất													
TT	Phẩm chất	Khối 1						Khối 2					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Yêu nước	144	84.2	27	15.8			142	85.0	25	15.0	144	84.2
2	Nhân ái	141	82.5	30	17.5			151	90.4	16	9,6	141	82.5
3	Chăm chỉ	132	77.2	39	22.8			124	74.3	43	25,7	132	77.2
4	Trung thực	142	83.0	29	17.0			146	87.4	21	12,6	142	83.0
5	Trách nhiệm	137	80.1	34	19.9			129	77.2	38	22,8	137	80.1
TT	Phẩm chất	Khối 3						Khối 4					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố	

						gắng (C)						gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Yêu nước	141	82.0	31	18.0			150	84.7	27	15.3	0	0.00
2	Nhân ái	141	82.0	31	18.0			153	86.4	24	13.6	0	0.00
3	Chăm chỉ	120	69.8	50	29.0	2	1.2	122	68.9	55	31.1	0	0.00
4	Trung thực	132	76.7	39	22,67	1	0.6	143	80.8	34	19.2	0	0.00
5	Trách nhiệm	118	68.6	53	30,8	1	0.6	130	73.4	47	26.6	0	0.00

1.3 Kết quả đánh giá năng lực													
TT	Năng lực	Khối 1						Khối 2					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tự chủ và tự học	130	76	41	24			121	72,5	45	26.9	1	0,6
2	Giáo tiếp và hợp tác	133	77,8	37	21,6	1	0,6	128	76,6	39	23.4		
3	GQVĐ và sáng tạo	127	74,3	43	25,1	1	0,6	126	75,4	41	24.6		
4	Năng lực đặc thù												
4.1	Ngôn ngữ	127	74,3	41	24	3	1,8	119	71,3	47	28.1	1	0,6
4.2	Tính toán	133	77,8	37	21,6	1	0,6	129	77,2	37	22.2	1	0,6
4.3	Khoa học	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
4.4	Công nghệ	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
4.5	Tin học	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/	/
4.6	Thẩm mỹ	130	76	41	24			127	76	40	24		
4.7	Thể chất	135	78,9	36	21,1			133	79,6	34	20.4		

TT	Năng lực	Khối 3						Khối 4					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tự chủ và tự học	112	65,1	59	34.3	1	0,6	114	64,4	63	35,6		
2	Giáo tiếp và hợp tác	117	68	54	31.4	1	0,6	136	76,8	41	23.2		

3	GQVĐ và sáng tạo	105	61	65	37.8	2	1,2	112	63,3	65	36.7		
4	Năng lực đặc thù												
4.1	Ngôn ngữ	111	64,5	57	33.2	4	2,3	108	61	69	39		
4.2	Tính toán	114	66,3	53	30.8	5	2,9	118	66,7	59	33.3		
4.3	Khoa học	/	/	/	/	/	/	122	68,9	55	31.1		
4.4	Công nghệ	111	64,5	60	34.9	1	0,6	110	62,1	67	37.9		
4.5	Tin học	107	62,2	64	37.2	1	0,6	105	59,3	72	40.7		
4.6	Thẩm mỹ	127	73,8	45	26.2			131	74	46	26		
4.7	Thể chất	122	70,9	50	29.1			127	71,8	50	28.2		

1.4. Đánh giá cuối năm học :									
1	Đánh giá Kết quả cuối năm	Khôi 1		Khôi 2		Khôi 3		Khôi 4	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
1.1	Hoàn thành xuất sắc	72	42,11	60	35,93	58	33,72	52	29,38
1.2	Hoàn thành tốt	51	29,82	50	29,94	40	23,25	50	28,25
1.3	Hoàn thành	45	26,27	56	33,53	68	39,53	75	42,37
1.4	Chưa hoàn thành	3	1,8	1	0,6	6	3,5		
2	Khen thưởng cuối năm								
2.1	Học sinh <i>Xuất sắc</i>	72	42,11	60	35,93	58	33,72	52	29,38
2.2	Học sinh <i>Tiêu biểu</i> hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	51	29,82	50	29,94	40	23,25	50	28,25
2.3	Khen thưởng đột xuất	0		0		0		0	
2.4	Đề nghị cấp trên khen thưởng	0		0		0		0	
2.5	Gửi thư khen	0		0		0		0	
3	Hoàn thành chương trình lớp học								
3.1	Hoàn thành	168	98,2	166	99,4	166	96,5	177	100
3.2	Chưa hoàn thành	3	1,8	1	0,6	6	3,5	0	

2.1. Kết quả đánh giá nội dung học tập các môn học và HĐGD							
TT	Môn học	Khối 5					
		Hoàn thành tốt (T)		Hoàn thành (H)		CHT	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Toán	110	59,46	75	40,54	0	0.0
2	T. Việt	112	60,54	73	39,46	0	0.0
3	T Anh	115	62,16	70	37,84	0	0.0
4	Đạo đức	127	68,65	58	31,35	0	0.00
5	TN&XH						
6	Khoa học	109	58,92	76	41,08	0	0.00
7	LS-ĐL	106	57,3	79	42,7	0	0.00
8	TC-KT	117	63,24	68	36,76	0	0.00
9	Âm nhạc	128	69,19	57	30,81	0	0.00
10	Mỹ thuật	136	73,51	49	26,49	0	0.00
11	Thể dục	126	68,11	59	31,89	0	0.00
12	Tin học	77	41,62	108	58,38	0	0.0

2.2. Kết quả đánh giá phẩm chất và năng lực.							
TT	Phẩm chất	Khối 5					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Chăm học, chăm làm	120	64.9	65	35,1	0	0.00
2	Tự tin, trách nhiệm	122	65.9	63	34,1	0	0.00
3	Trung thực, kỷ luật	151	81.6	34	18,4	0	0.00
4	Đoàn kết, yêu thương	166	89.7	19	10,3	0	0.00
TT	Năng lực	Khối 5					
		Tốt (T)		Đạt (T)		Cần cố gắng (C)	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL
1	Tự phục vụ, tự quản	146	78,9	39	21,1	146	0.00
2	Hợp tác	127	68,6	58	31,4	127	0.00
3	Tự học và GQVĐ	121	65,4	64	34,6	121	0.00

2.3. Đánh giá cuối năm học :			
1	Đánh giá Kết quả cuối năm	Khối 5	
		Số lượng	Tỷ lệ
1.1	Hoàn thành chương trình lớp học	185	100%
1.2	Chưa hoàn thành	0	
2	Khen thưởng cuối năm	112	60,5
2.1	Học sinh hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện.	66	35,7
2.2	Học sinh có thành tích vượt trội.	46	24,8
2.3	Khen thưởng đột xuất	5	2,7
2.4	Đề nghị cấp trên khen thưởng	5	2,7

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

TT	Chỉ số thống kê	2024	2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	5.564.620 000	5 .179.154.000
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	5.163.000.000	4.680.392.000
II	Thu giáo dục và đào tạo	401.620.000	498.762.000
1	Học phí, lệ phí từ người học		
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	401.620.000	498.762.000
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	5 .163.000 000	4.680.392.000
I	Chi lương, thu nhập	4.099.848.156	3.838.654.647
1	Chi lương, thu nhập của giáo viên, nhân viên	3.904.848.156	3.658.654.647
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	195.000.000	180.000.000

II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	473.206.356	784.200.196
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	473.206.356	784.200.196
III	Chi hỗ trợ người học	23.400.000	53.140.000
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	23.400.000	53.140.000
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	Chi khác	115 037 000	110 677 157
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	474.885.088	0
	THU TIỀN TÀI TRỢ GIÁO DỤC	186.680.000	201.064000
	CHI TIỀN TÀI TRỢ GIÁO DỤC	186.680.000	201.064.000
	Sửa chữa máy vi tính		9.000.000
	Làm và tôn tạo bồn hoa sân trường		20.000.000
	Thay thế quạt và sửa chữa hệ thống điện phòng học		21.180.000
	Sửa chữa trần 2 phòng học dãy nhà cấp 4		43.800.000
	Sửa nền lát gạch 2 phòng học cấp 4		31.200.000
	Sửa chữa phòng đa chức năng dãy nhà cấp 4		47.044.000
	Mua bàn ghế và tủ đồ dùng học sinh, bảng xanh	32.790.000	28.840.000
	Lát gạch hành lang dãy nhà 18 phòng	21.540.000	
	Sửa phòng học tiếng Anh	75.000.000	
	Sửa nền phòng âm nhạc	28.950.000	
	Mua máy vi tính	29.000.000	

-Thời điểm công khai: tháng 10/2024

-Đường link thư mục “ CÔNG KHAI” <https://tieuhocdientruong.dienchau.edu.vn>

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Tập thể: Hoàn thành nhiệm vụ-
2. Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện: 03
3. Giáo viên Tổng phụ trách Đội giỏi cấp huyện: 0
4. Sáng kiến kinh nghiệm cấp cơ sở: 03

- 4 Olym pic Tiểu học: 6/6. Có 1 giải nhì
- 5 Xếp thứ chất lượng khảo sát lớp 5: 26/38
- 6 HS đạt tin học trẻ cấp huyện: 03 em, 1 em đạt cấp tỉnh
- 7 HS đạt Hội khỏe phù đồng cấp huyện: 5
- 8 Các cuộc thi trên mạng: cấp huyện: 200, cấp tỉnh: 60, quốc gia: 10
- 9 Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng: 0
- 10 Sáng kiến Phòng chống Bạo lực học đường: 0
- 11 Câu lạc bộ văn toán tuổi thơ: 0
- 12 An toàn giao thông: 0
- 13 Stem: 0
- 14 Học sinh tham gia Toefl: 6
- 15 Học sinh tham gia English Challenge: 1

VIII. THUẬN LỢI KHÓ KHĂN KHI TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THÔNG TƯ 09/2024/TT-BGDĐT

- **Thuận lợi:** Có văn bản chỉ đạo của các cấp các ngành về thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT
- Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT nhằm minh bạch các cam kết về chất lượng, điều kiện bảo đảm chất lượng; thu chi tài chính tại các cơ sở giáo dục và các thông tin khác có liên quan của cơ sở giáo dục để cán bộ, giáo viên, người lao động, người học, gia đình và xã hội biết và tham gia giám sát các hoạt động của các cơ sở giáo dục.
- Công khai theo đúng quy định pháp luật nhưng đơn giản hóa các thông tin công khai, hạn chế việc cập nhật số liệu chi tiết về kỹ thuật, trùng nội dung, giảm biểu mẫu để góp phần thực hiện cải cách hành chính.
- Thông qua số liệu công khai trong báo cáo thường niên, thông tin có giá trị đối sánh của năm sau so với năm trước và phục vụ cho nhiều mục đích của cơ sở giáo dục.

- **Khó khăn:** văn bản mới nên việc tiếp cận còn nhiều vướng mắc.

- **Kiến nghị,** đề xuất: cần được tập huấn, hướng dẫn để làm chính xác.

Nói nhận:

- Như trên

- Lưu: VT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Chu Tự Hạng

¹ Mẫu Báo cáo thường niên chỉ quy định các yêu cầu thông tin bắt buộc; tiêu đề, thứ tự chương mục và hình thức trình bày thông tin do cơ sở giáo dục quyết định, bảo đảm thể hiện rõ nội dung của thông tin theo yêu cầu.

² Bao gồm các thông tin được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁵ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁶ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁷ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 5 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁸ Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác của cơ sở giáo dục và của ngành.